

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 06/10/2025 của UBND phường)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ghi chú
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH	113.952	
I	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp	21.176	
-	Thu NSDP hưởng 100%	360	
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	20.816	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	92.776	
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	73.108	
-	Thu bổ sung có mục tiêu	18.041	
-	Thu kết chuyển nguồn	214	
-	Thu kết dư	1.413	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	156.400	
I	Tổng chi cân đối ngân sách	113.952	
-	Chi đầu tư phát triển	30.431	
-	Chi thường xuyên	83.063	
-	Dự phòng ngân sách	458	

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025*(Kèm theo Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 06/10/2025 của UBND phường)**Đơn vị: Triệu đồng*

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ghi chú
A	NGÂN SÁCH XÃ		
I	Nguồn thu ngân sách	113.952	
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	21.176	
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	91.149	
-	Thu bổ sung cân đối	73.108	
-	Thu bổ sung có mục tiêu	18.041	
3	Thu chuyển nguồn	214	
4	Thu kết dư	1.413	
II	Chi ngân sách	113.952	

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 06/10/2025 của UBND phường)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán		Ghi chú
		Tổng thu NSNN	Thu NS xã	
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	106.990	21.176	
I	Thu nội địa	106.990	21.176	
1	Thu từ khu vực Quốc doanh	1.500	0	
2	Thu từ khu vực có VĐT nước ngoài	10.000	0	
3	Thu từ khu vực Ngoài Quốc doanh	25.000	730	
4	Thuế Thu nhập cá nhân	7.500	0	
5	Thuế bảo vệ môi trường	0	0	
6	Lệ phí trước bạ	10.430	1.500	
7	Phí, lệ phí	1.200	102	
8	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	150	150	
9	Tiền thu mặt đất, mặt nước	2.000	0	
10	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	3.100	444	
11	Thu tiền sử dụng đất	45.000	17.740	
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi CS	210	210	
13	Thu khác ngân sách	900	300	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 06/10/2025 của UBND phường)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ghi chú
		2025	
A	B	C	
	TỔNG CHI NSDP	113.952	
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	94.275	
I	Chi đầu tư phát triển	17.740	
1	Chi đầu tư cho các dự án	17.740	
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực		
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề		
-	Chi khoa học và công nghệ		
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn	17.740	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	17.740	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết		
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật		
3	Chi đầu tư phát triển khác		
II	Thường xuyên	76.077	
	Trong đó:		
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	48.576	
2	Chi khoa học và công nghệ		
III	Dự phòng ngân sách	458	
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương		
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	18.041	
I	Chi các Chương trình mục tiêu quốc gia		
	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới		
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	18.041	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	214	
D	CHI KẾT DƯ	1.422	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 06/10/2025 của UBND phường)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ghi chú
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	113.952	
A	CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC	113.952	
	<i>Trong đó:</i>		
I	Chi đầu tư phát triển	17.740	
1	Chi đầu tư cho các dự án	17.740	
II	Chi thường xuyên	76.077	
	<i>Trong đó:</i>		
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	48.576	
2	Chi y tế, dân số và gia đình	17	
3	Chi văn hóa thông tin, thể dục thể thao	378	
4	Chi Sự nghiệp tài nguyên môi trường	0	
5	Chi các hoạt động kinh tế	636	
6	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	18.909	
7	Chi bảo đảm xã hội	5.020	
8	Chi sự nghiệp An ninh	731,7	
9	Chi sự nghiệp Quốc phòng	1.482	
10	Chi Sự nghiệp Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	0	
11	Chi khác	327,6	
III	Dự phòng ngân sách	458	
IV	Chi bổ sung có mục tiêu (đã chi 6 tháng)	18.041	
V	Chi từ nguồn kết dư	1.422	
VI	Chi từ nguồn chuyển nguồn	214	

Biểu số 86/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 06/10/2025 của UBND phường)

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYỀN	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ:	113.952.040	17.740.000	96.212.040	458.000	0	0	0	0	0
1	Văn phòng HĐND- UBND phường	47.652.000	17.740.000	29.912.000						
2	Văn phòng Đảng ủy	9.551.228		9.551.228						
3	Ủy ban mặt trận tổ quốc	5.025.880		5.025.880						
4	Trường Mầm non Kỳ Liên	4.317.174		4.317.174						
5	Trường Mầm non Kỳ Phương	8.127.668		8.127.668						
6	Trường Mầm non Kỳ Nam	2.940.513		2.940.513						
7	Trường Tiểu học Kỳ Liên	6.330.169		6.330.169						
8	Trường TH&THCS Kỳ Nam (Tiểu học)	2.516.607		2.516.607						
9	Trường TH&THCS Kỳ Nam (Trung Học)	3.359.481		3.359.481						
10	Trường Tiểu học Kỳ Phương	11.379.464		11.379.464						
11	Trường THCS Kỳ Phương	9.029.191		9.029.191						
13	Công an phường	800.000		800.000						
14	Quân sự phường	1.802.000		1.802.000						
15	Khác	1.120.665		1.120.665						

DỰ TOÁN CHI ĐÀU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 06/10/2025 của UBND phường)

hìn ðòng

Đơn vị: Nghìn đồng

[illegible]

Biểu số 89/CK-NSNN

DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2026 của UBND phường)

Đơn vị: Triệu đồng

		Tổng thu NS trên địa bàn phường hưởng	Thu NS phường được hưởng			Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp tỉnh	Tổng chi cân đối NS cấp xã
			Tổng số	Chia ra			
				Thu ngân sách phường hưởng 100%	Thu ngân sách phường hưởng từ các khoản thu phân chia		
A	B	1	2	3	4	5	6
	TỔNG SỐ	113.952	21.176	360	20.816	92.776	113.952
1	Hoành Sơn	113.952	21.176	360	20.816	92.776	113.952